TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2023/KDTM-ST
Ngày: 08/8/2023
V/v: Tranh chấp Hợp đồng thi công.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lê Thị Ngọc Hà**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Đào Thị Kim Tuyến**

2. Bà Nguyễn Thị Tạo

Thư ký phiên tòa: **Ông Tạ Ngọc Anh -** Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thảo** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 59/2022/TLST-KDTM về Tranh chấp Hợp đồng thi công theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số135/2023/QĐXX-KDTM ngày 12 tháng 07 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2023/KDTM-ST ngày 28 tháng 07 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty TNHH S**

Địa chỉ: Số 93 N, Phường B, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tạ Huy V- Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Trung H và bà Đinh Thị V

(Theo giấy ủy quyền số 041021/GUQ ngày 04/10/2021)

Bà V có mặt.

Bị đơn: **Công ty cổ phần L**

Địa chỉ: số 1 đường L, phường M, quận C, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc A – Giám đốc.- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nguyên đơn Công ty TNHH S do bà Đinh Thị V là người đại diện theo ủy quyền trình bày tại đơn khởi kiện và tại các biên bản làm việc tại tòa như sau:

Ngày 03/08/2017, chi nhánh công ty TNHH S tại Hà Nội và Công ty cổ phần L có ký hợp đồng kinh tế số 04/2017/HĐKT/ĐN2-SCH về cung cấp, thi công, lắp đặt thang máy và thang cuốn cho dự án Tòa nhà chung cư số 199 H, quận N, Hà Nội.

Thực hiện hợp đồng, Công ty S đã giao hàng theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng và hai bên đã tiến hành thanh lý hợp đồng với tổng giá trị quyết toán là 4.738.030.000 đồng.Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên, tính đến ngày 08/8/2023, Công ty L đã thanh toán được số tiền 4.045.224.000 đồng. Số tiền còn lại mà Công ty L phải thanh toán là 692.806.000 đồng. Với số tiền nợ trên, Công ty S đã nhiều lần gửi văn bản đề nghị Công ty L phải thanh toán dứt điểm nhưng Công ty L vẫn tiếp tục trì hoãn và kéo dài, gây nhiều khó khăn cho quá trình hoạt động sản xuất, hoạt động kinh doanh của Công ty S.

Ngày 10/4/2023, trong bản trình bày ý kiến, công ty L có xác nhận số tiền nợ gốc còn lại của hợp đồng kinh tế ký kết giữa hai bên là 682.306.000 đồng không phải là 692.806.000 đồng. Theo đó, số tiền chênh lệch 10.500.000 đồng bao gồm 500.000 đồng tiền phạt các đơn vị thi công DA Cầu Diễn và 10.000.000 đồng tiền chi phí tiện ích A cấp dự án Cầu Diễn. Đối với số tiền chênh lệch trên, công ty S không đồng ý khấu trừ vào số tiền nợ gốc do tại thời điểm hai bên lập và ký xác nhận hồ sơ quyết toán dự án và các biên bản đối chiếu công nợ, khoản tiền phạt và chi phí tiện ích trên, công ty Lkhông đưa ra và đề cập đến số tiền đó.

Nay công ty S khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xem xét và tuyên buộc công ty Lphải thanh toán cho Công ty S số tiền nợ còn thiếu theo hợp đồng kinh tế số 04/2017/HĐKT/ĐN2-SCH tạm tính đến ngày 08/8/2023. Cụ thể:

Công ty Lphải thanh toán cho Công ty S số tiền nợ gốc còn thiếu là 692.806.000 đồng.

Đối với số tiền lãi chậm trả, công ty S thay đổi mức lãi suất áp dụng, theo đó tiền lãi chậm trả được tính theo mức lãi suất là 10%/năm tính từ ngày 25/4/2019 đến ngày 08/8/2023 là 344.738.136 đồng.

Đối với số tiền phạt vi phạm hợp đồng, công ty S tính tiền phạt 8% trên số nợ gốc quá hạn 692.806.000 đồng là 55.424.480 đồng.

Tổng số tiền mà công ty Lphải thanh toán cho công ty S là 1.092.968.616 đồng

Công ty Ltiếp tục thanh toán tiền lãi trên số nợ gốc kể từ ngày 09/8/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ lãi suất theo quy định của pháp luật.

Công ty Lphải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngoài ra, Công ty S không còn yêu cầu nào khác.

2. Bị đơn Công ty cổ phần L

Trong bản trình bày ý kiến và tại buổi hòa giải tại Tòa án, bị đơn công ty Ltrình bày như sau:

Công ty L xác nhận ngày 03/08/2017, công ty S và Công ty L có ký hợp đồng kinh tế số 04/2017/HĐKT/ĐN2-SCH về cung cấp, thi công, lắp đặt thang máy và thang cuốn cho dự án Tòa nhà chung cư số 199 H, quận N, Hà Nội.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, công ty S và công ty L đã tiến hành thanh lý hợp đồng với giá trị quyết toán là 4.738.030.000 đồng. Công ty L xác nhận tính đến ngày 08/8/2023, công ty L còn nợ công ty S theo Hợp đồng kinh tế số 04/2017/HĐKT/ĐN2-SCH ngày 03/08/2017 với nợ gốc là 692.806.000 đồng; nợ lãi tạm tính từ ngày 25/4/2019 đến ngày 08/8/2023 là 344.738.136 đồng; Phạt vi phạm hợp đồng là 55.424.480 đồng.

Số tiền chênh lệch 10.500.000 đồng, công ty Lđồng ý không đưa số tiền trên vào khấu trừ tiền nợ gốc.

Công ty L chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Công ty S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xem xét và tuyên buộc công ty Lphải thanh toán cho Công ty S số tiền nợ còn thiếu theo hợp đồng kinh tế số 04/2017/HĐKT/ĐN2-SCH ngày tạm tính đến ngày 08/8/2023 với tổng số tiền là 1.092.968.616 đồng. Cụ thể:

Công ty L phải thanh toán cho Công ty S số tiền nợ gốc còn thiếu là 692.806.000 đồng.

Đối với số tiền lãi chậm trả, công ty S thay đổi mức lãi suất áp dụng, theo đó tiền lãi chậm trả được tính theo mức lãi suất là 10%/năm tính từ ngày 25/4/2019 đến ngày 08/8/2023 là 344.738.136 đồng.

Đối với số tiền phạt vi phạm hợp đồng, công ty S tính tiền phạt 8% trên số nợ gốc quá hạn 692.806.000 đồng là 55.424.480 đồng.

Công ty Ltiếp tục thanh toán tiền lãi trên số nợ gốc kể từ ngày 09/8/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ lãi suất theo quy định của pháp luật.

Công ty L phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Bị đơn: Vắng mặt

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội: Trong quá trình khởi kiện, thụ lý hồ sơ và giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật về trình tự thủ tục giải quyết vụ án dân sự, đảm bảo được tính khách quan, công minh và tạo điều kiện cho các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn trong vụ án đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty S: Buộc Công ty Lphải thanh toán các khoản tiền theo hợp đồng kinh tế số 04/2017/HĐKT/ĐN2-SCH tạm tính đến ngày 08/8/2023 gồm: tiền nợ gốc là nợ gốc là 692.806.000 đồng; nợ lãi tạm tính từ ngày 25/4/2019 đến ngày 08/8/2023 là 344.738.136 đồng (theo lãi suất 10%/năm) theo quy định tại Điều 357, Điều 466, khoản 2 Điều 468 BLDS; Phạt vi phạm hợp đồng là 55.424.480 đồng (8%/số nợ quá hạn) theo quy định tại Điều 300, 301 Luật thương mại 2005 và phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thẩm quyền giải quyết vụ án:***

Ngày 03/08/2017, công ty S và Công ty L có ký hợp đồng kinh tế số 04/2017/HĐKT/ĐN2-SCH về cung cấp, thi công, lắp đặt thang máy và thang cuốn cho dự án Tòa nhà chung cư số 199 H, quận N, Hà Nội. Công ty S khởi kiện yêu cầu

công ty L phải thanh toán số tiền nợ gốc là 692.806.000 đồng và số tiền lãi chậm thanh toán. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng thi công được quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty L có trụ sở tại Số 1 đường L, phường M, quận C, Hà Nội. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2]*Về thủ tục tố tụng:*

- Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 03/08/2017, công ty S và Công ty L có ký hợp đồng kinh tế số 04/2017/HĐKT/ĐN2-SCH về cung cấp, thi công, lắp đặt thang máy và thang cuốn cho dự án Tòa nhà chung cư số 199 H,quận N, Hà Nội. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, công ty L còn nợ công ty S số tiền nợ gốc là 692.806.000 đồng. Thời điểm cuối cùng công ty S yêu cầu công ty L thanh toán số tiền nợ gốc trên là ngày 27/4/2020. Ngày 09/11/2021, công ty S khởi kiện yêu cầu công ty L phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi, phạt vi phạm cho công ty S. Căn cứ theo Điều 319 Luật Thương mại 2005, vụ án trong thời hạn khởi kiện.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản theo quy định của pháp luật cho bị đơn là công ty L. Công ty L không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, công ty L vắng mặt không lý do, căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Ngày 03/08/2017, công ty S và Công ty L có ký hợp đồng kinh tế số 04/2017/HĐKT/ĐN2-SCH về cung cấp, thi công, lắp đặt thang máy và thang cuốn cho dự án Tòa nhà chung cư số 199 H, quận N, Hà Nội. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Thực hiện việc ký kết hợp đồng kinh tế 04/2017/HĐKT/ĐN2-SCH là ông Nguyễn Minh N, chức vụ Giám đốc kinh doanh do tổng giám đốc ủy quyền là người đại diện của công ty S và ông H, chức vụ Phó giám đốc do giám đốc ủy quyền là người đại diện của công ty điện nước và xây dựng 2. Công ty S và công ty L là 02 doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, có tư cách pháp nhân và đại diện của hai bên ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực để tham gia giao dịch; mục đích, nội dung và hình thức của giao dịch trên theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào

Điều 117; Điều 119 Bộ luật dân sự 2015; Điều 24 Luật thương mại 2005 xác định Hợp đồng kinh tế số 04/2017/HĐKT/ĐN2-SCH ngày 03/8/2017 là hợp pháp, các bên có nghĩa vụ thực hiện.

- Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngày 03/08/2017, công ty S và Công ty L có ký hợp đồng kinh tế số 04/2017/HĐKT/ĐN2-SCH về cung cấp, thi công, lắp đặt thang máy và thang cuốn cho dự án Tòa nhà chung cư số 199 H, quận N, Hà Nội.

Thực hiện Hợp đồng, Công ty S đã hoàn thành nghĩa vụ giao hàng và hai bên đã tiến hành quyết toán hợp đồng với giá trị là 4.738.030.000 đồng. Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên, công ty Lđã thanh toán được số tiền 4.045.224.000 đồng. Số tiền còn lại mà công ty L phải thanh toán theo hợp đồng là 692.806.000 đồng đến nay vẫn chưa thanh toán.

Như vậy, theo lời khai của nguyên đơn cùng các các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện Công ty S đã thực hiện đúng theo điều khoản của hợp đồng, hai bên đã xác nhận công nợ và Công ty L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 357 Bộ Luật dân sự 2015 và hợp đồng kinh tế số 04/2017/HĐKT/ĐN2-SCH ngày 03/8/2017 có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của Công ty S về việc buộc Công ty L thanh toán nợ gốc là 692.806.000 đồng.

- Về lãi suất chậm thanh toán: Về yêu cầu thanh toán lãi suất chậm thanh toán, về thời điểm tính lãi suất chậm thanh toán và mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu:

Tại phiên tòa, Công ty S yêu cầu Công ty L phải thanh toán số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 25/4/2019 đến ngày 08/8/2023 là 344.738.136 đồng; Thời điểm tính lãi suất chậm thanh toán tính từ ngày 25/4/2019 (thời điểm quyết toán giá trị thanh toán) đến ngày 08/8/2023 là 1566 ngày với lãi suất chậm trả là 10%/năm. Do các bên không thỏa thuận về lãi suất chậm trả trong hợp đồng kinh tế nên công ty S áp dụng mức lãi suất 10%/năm là phù hợp quy định tại Điều 357, khoản 3 Điều 440, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự và không vi phạm quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

- Về phạt vi phạm: Tại phiên tòa, công ty S yêu cầu công ty L phải thanh toán tiền phạt vi phạm 8% trên số nợ quá hạn 692.806.000 đồng là 55.424.480 đồng. Xét mức phạt vi phạm 8% mà công ty S áp dụng là phù hợp theo thỏa thuận tại Điều 11 của Hợp đồng kinh tế số 04/2017/HĐKT/ĐN2-SCH ngày 03/8/2017 và phù hợp với quy định tại Điều 300, 301 Luật thương mại 2005.

Như vậy, theo Hợp đồng kinh tế số 04/2017/HĐKT/ĐN2-SCH ngày 03/8/2017, Công ty L phải thanh toán cho Công ty S số tiền nợ gốc 692.806.000

đồng, tiền lãi chậm trả là 344.738.136 đồng và tiền phạt vi phạm là 55.424.480 đồng. Tổng cộng là 1.092.968.616 đồng.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Công ty S yêu cầu Công ty L phải thanh toán số tiền nợ gốc, số tiền lãi chậm trả và phạt vi phạm tạm tính đến ngày 08/8/2023 số tiền là 1.092.968.616 đồng, được Tòa án chấp nhận, nên theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn - Công ty Lphải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 44.789.058 đồng.

Công ty S được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Quyền kháng cáo : Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 117, Điều 119, khoản 2 Điều 357, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 24, Điều 50, 300, 301 Luật thương mại 2005;

- Điều 30; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244, 264, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 24, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S đối với Công ty cổ phần L về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng thi kinh tế số 04/2017/HĐKT/ĐN2-SCH ngày 03/8/2017.

Buộc Công ty cổ phần L phải thanh toán cho số Công ty TNHH S tổng số tiền tạm tính đến ngày 08/8/2023 là 1.092.968.616 đồng (Một tỷ không trăm chín mươi hai triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm mười sáu đồng). Trong đó:

Nợ gốc là 692.806.000 đồng (Sáu trăm chín mươi hai triệu tám trăm lẻ sáu

nghìn đồng);

Nợ lãi chậm trả là 344.738.136 đồng (Ba trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn một trăm ba mươi sáu đồng);

Phạt vi phạm là 55.424.480 đồng (Năm mươi năm triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn bốn trăm tám mươi đồng);

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong bản án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

2. Về án phí: Công ty cổ phần L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 44.789.058 đồng (Bốn mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn không trăm năm mươi tám đồng).

Công ty TNHH S được hoàn lại số tiền 29.671.102 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0018522 ngày 16/6/2022 tại Cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hà Nội;
- VKSNDquận Cầu Giấy;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Hà